

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/HS-ST
Ngày 20-02-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Võ Ngọc Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;
2. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tố Anh, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Chu Văn V, sinh năm 1993, tại tỉnh Thanh Hóa; thường trú: Số 175/18/7, khu phố B, phường T Nh Ph B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Phụ xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Chu Văn H, sinh năm 1970 và bà Trương Thị D, sinh năm 1970; bị cáo có 01 chị ruột, sinh năm 1990; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 03/8/2018 đến ngày 12/8/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Nguyễn Văn Ngọc T, sinh năm 1994, tại tỉnh Bình Phước; thường trú: Số 127, khu phố B Đ 2, phường A B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962 và bà Trương Thị Kim A, sinh năm 1964; bị cáo có 01 chị ruột, sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 03/8/2018 đến ngày 12/8/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

3. Trần Quốc B (tên gọi khác: H), sinh năm 1989 tại tỉnh Bình Dương; thường trú: Số 1231/11A khu phố H, phường B Ch, quận Th Đ, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn Th, sinh năm 1962 và bà Trần Thị T, sinh năm 1964; bị cáo có vợ tên là Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1991 (đã ly hôn), có 01 con ruột, sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

- Bị hại: Ông Bùi Ngọc D, sinh năm 1996; thường trú: Đội H, xã A Ph, huyện H A, tỉnh Bình Định; chỗ ở: BT2, khu phố B Đ 2, phường A B, thị xã D A, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Trần Văn Th, sinh năm 1962; thường trú: Số 1231/11A, khu phố H, phường B Ch, quận Th Đ, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1982; thường trú: Đội 6 Kh Tr, xã A Đ, huyện H A, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

3. Ông Ung Văn L, sinh năm 1991; thường trú: Khu vực N, phường Nh Ph, thành phố Qu Nh, tỉnh Bình Định; chỗ ở: BT2, khu phố B Đ 2, phường A B, thị xã D A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

* Người tham gia tố tụng khác:

- Người làm chứng:

1. Bà Đoàn Thị Như Ý, sinh ngày 06/7/2000; thường trú: Đội M, thôn H Đ, xã A H, huyện H A, tỉnh Bình Định; chỗ ở: BT2, khu phố B Đ 2, phường A B, thị xã D A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. Bà Lữ Thị H, sinh năm 1957; thường trú: Xã Th L, huyện Th X, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở: BT2, khu phố B Đ 2, phường A B, thị xã D A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3. Ông Chu Văn H, sinh năm 1970; thường trú: Số 175/18/7, khu phố M, phường T Nh Ph B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

4. Ông Phạm Đức H, sinh năm 1964; thường trú: Số 102 đường Ng Qu, tổ B, khu phố M, phường H Ph, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chu Văn V và Nguyễn Văn Ngọc T là anh em họ hàng, V gọi T là chú. Trần Quốc B là bạn bè quen biết với T, thông qua T nên B quen biết được với V. V phụ giúp gia đình bằng việc đi theo các chuyên xe chở hàng để quản lý tài xế và hàng hóa. Ông Bùi Ngọc D là tài xế lái xe container chở hàng cho gia đình V và ông D sống cùng với ông Ung Văn L và bà Đoàn Thị Như Ý ở phòng trọ tại số A7, địa chỉ BT2, khu phố B Đ 2, phường A B, thị xã D A, tỉnh Bình Dương.

Từ tháng 4/2018, ông D làm tài xế cho gia đình của V. Trong thời gian làm tài xế, ông Chu Văn H là cha của V nghi ngờ ông D lấy trộm xăng dầu của gia đình nên ông H nói với V đi tìm ông D, nếu tìm được ông D thì nói với ông D về gặp ông H để nói chuyện.

Khoảng 19 giờ ngày 02/8/2018, Chu Văn V đang ở nhà tại địa chỉ số 175/18/7, khu phố B, phường T Nh Ph B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh điện thoại cho Trần Quốc B rủ đi công việc thì B đồng ý và hẹn gặp nhau tại nhà Nguyễn Văn Ngọc T. Sau đó, V điều khiển xe mô tô hiệu Honda AirBlade, biển số 30H9 – 504... đến nhà của T tại địa chỉ số 127, đường A B, khu phố B Đ 2, phường A B, thị xã D A, tỉnh Bình Dương. Khi đến nhà T, trong lúc T đang đi tắm, V nói với B: “Đi tìm thằng tài xế nói

chuyện về việc tại sao lại bỏ xe, không lấy hàng, lấy tiền giờ bỏ đi” thì B đồng ý và sau khi T tắm xong, B rủ T đi theo thì T đồng ý. Sau đó, V điều khiển xe mô tô hiệu Honda AirBlade, biển số 30H9 – 504... đi một mình, còn T điều khiển xe mô tô hiệu Honda AirBlade, biển số 59X2 – 086.72 chở B đi đến phòng trọ của ông D tại phòng trọ số A7, địa chỉ BT2, khu phố B Đ 2, phường A B, thị xã D A, tỉnh Bình Dương.

Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, V cùng T, B đến phòng trọ của ông D, dựng xe bên ngoài lề đường rồi V đi vào trước. Khi vào phòng trọ của ông D, V nhìn thấy ông Ung Văn L đang ngồi ở trong phòng nên hỏi: “Phòng của D đây phải không?”, ông L trả lời: “Phòng của D đây”. V hỏi tiếp: “D đâu?” thì ông L trả lời: “Trong toilet”. Sau đó V trở ra nói với B và T là tìm được phòng trọ của ông D rồi cả ba đi vào phòng trọ của ông D. V và B mở cửa toilet phòng ông D rồi dùng tay kéo ông D ra giữa phòng trọ. V cùng B dùng tay, chân đánh ông D. Sau đó, V lấy một con dao, cán dao màu cam ở trong phòng ông D và nói với ông D: “Tao đâm chết mẹ mày, mày tin không?”. Ông L và T nghe thấy vậy liền đến can ngăn, lấy được con dao từ tay V. Lúc này, bà Đoàn Thị Như Ý nghe thấy tiếng ông D bị đánh nên từ trên gác lửng phòng trọ xuống can ngăn việc V và B đánh ông D. V tiếp tục lấy ấm nước bằng kim loại, đế bằng nhựa, màu đen đang nấu để ở dưới đất hù dọa tạt vào người ông D thì được ông L và B can ngăn. Sau đó, V và B dùng tay cầm cổ áo, giữ tay ông D rồi kéo ra ngoài. Ông D không đồng ý đi theo các bị cáo V, B mà vùng vằng chống cự lại nhưng vẫn bị đưa ra ngoài. T đi theo V, B, ông D ra ngoài đường rồi T ngồi lên điều khiển xe mô tô hiệu Honda AirBlade màu trắng bạc đen, biển số 59X2 – 086.72 và ép ông D ngồi ở giữa, ngồi ở phía sau có V giữ ông D, còn B điều khiển xe mô tô hiệu Honda AirBlade, biển số 30H9 – 504... đi theo. Khi đi đến cây xăng V Tr thuộc khu phố B Đ 2, phường A B, thị xã D A, tỉnh Bình Dương thì V yêu cầu dừng xe để nói chuyện. V hỏi D: “Mày có ăn cắp dầu nhà tao không? Sao mày lại bỏ xe giữa đường?”. T nói: “Có gì thì nói thật đi, anh giúp” thì anh D trả lời: “Em nói thật là em không có thiếu nợ gì cả, mấy anh làm gì bắt đánh em”. Nghe vậy, V liền dùng tay đánh một cái vào miệng ông D rồi V yêu cầu chở ông D về bên nhà của V. Khi về đến nhà của V tại số 175/18/7, đường Đ Ph Ph, tổ 5B, khu phố B, phường T Nh Ph B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không có ông H ở nhà, V dùng điện thoại di động gọi điện cho ông H thì được ông H hẹn đến quán cà phê Th Gi để nói chuyện. V, T và B tiếp tục điều khiển xe mô tô chở ông D đến quán cà phê Th Gi tại số 102 Ng Quy, tổ B, khu phố M, phường H Ph, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại quán cà phê Th Gi, ông H tát vào mặt ông D rồi nắm cổ áo ông D, nói ông D ăn trộm dầu, làm hư hỏng xe, ứng tiền rồi bỏ trốn. Trong khi ông H đang chửi ông D thì T và B lên xe mô tô đi về. Ông H yêu cầu ông D phải trả cho ông Hoàn số tiền 2.400.000 đồng, gồm có: Tiền ứng mua vé đi đường 400.000 đồng, tiền làm hư hỏng xe 1.000.000 đồng, tiền xăng dầu bị thất thoát 1.000.000 đồng. Do sợ không được về nhà nên ông D mượn điện thoại của ông H gọi điện cho ông Nguyễn Ngọc T, là cậu của ông D mang tiền đến quán cà phê Th Gi đưa cho ông H. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, thấy không có ai đưa tiền đến nên ông H nói V đưa ông D đến Công an phường T Nh Ph B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh để yêu cầu người nhà ông D mang tiền đến trả thì mới cho về. Sau đó, V để ông D ngồi ở бага xe mô tô hiệu Honda AirBlade, biển số 30H9 – 504... của V chở về Công an phường T Nh Ph B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, anh C (chưa rõ nhân thân, lai lịch, là bạn ông T) được ông T nhờ đến Công an phường T Nh Ph B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh và đưa số tiền 2.400.000 đồng cho V thì V mới cho ông D về.

Đối với hành vi Cường đoạt tài sản của Chu Văn V và ông Chu Văn H đối với ông Bùi Ngọc D xảy ra tại quán cà phê Th Gi tại số 102 Ng Qu, tổ B, khu phố M, phường H Ph, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An đã thông báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh để xử lý theo thẩm quyền. Công an Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh có Công văn số 747/CAQ9 (HS) ngày 15/10/2018 xác định việc Bùi Ngọc D đưa số tiền 2.400.000 đồng cho V là tự nguyện vì lúc này V đã đưa D về Công an phường tố cáo, không có dấu hiệu của tội Cường đoạt tài sản.

Đối với hành vi của Chu Văn V và Trần Quốc B đánh ông Bùi Ngọc D, do ông D không yêu cầu giám định thương tích và không yêu cầu khởi tố về hành vi Cố ý gây thương tích nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An không xử lý hình sự. Tuy nhiên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với V, B mỗi người số tiền 2.500.000 đồng về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác theo điểm e khoản 03 Điều 5 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính Phủ.

Cáo trạng số 41/CT-VKS ngày 09 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Chu Văn V, Nguyễn Văn Ngọc T và Trần Quốc B về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 157; Điều 36; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt các bị cáo Chu Văn V từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ và Nguyễn Văn Ngọc T, Trần Quốc B từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Bùi Ngọc D không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét.

* Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) con dao Thái Lan cán màu cam, 01 bình nấu nước bằng kim loại, đế bằng nhựa, màu đen là tài sản của ông Ung Văn L đề nghị trả lại số tài sản trên cho ông L.

- Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Honda AirBlade, màu trắng bạc đen, số khung: AY-594896, số máy: 27E-0620350, biển số 59X2 – 086.72 thuộc quyền sở hữu của ông Trần Văn Th, là cha của bị cáo B, ông Th không biết việc B sử dụng xe mô tô vào mục đích phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An đã trả lại tài sản cho ông Th.

- Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Honda AirBlade, biển số 30H9 – 504... mà bị cáo V đã sử dụng vào mục đích phạm tội, V mượn xe này của một người tên H (chưa rõ nhân thân, lai lịch) và đã đem trả lại xe cho H nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An không xác định được xe đang ở đâu nên không đề cập xử lý.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng, khung hình phạt, về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Chu Văn V và Nguyễn Văn Ngọc T là anh em họ hàng, V gọi T là chú. Trần Quốc B là bạn bè quen biết với T, thông qua T nên B quen biết được với V. V phụ giúp gia đình bằng việc đi theo các chuyến xe chở hàng để quản lý tài xế và hàng hóa. Ông Bùi Ngọc D là tài xế lái xe container chở hàng cho gia đình V và ông D sống cùng với ông Ung Văn L và bà Đoàn Thị Như Ý ở phòng trọ tại số A7, địa chỉ BT2, khu phố B Đ 2, phường A B, thị xã D A, tỉnh Bình Dương.

Từ tháng 4/2018, ông D làm tài xế cho gia đình của V. Trong thời gian làm tài xế, ông Chu Văn H là cha của V nghi ngờ ông D lấy trộm xăng dầu của gia đình nên ông H nói với V đi tìm ông D, nếu tìm được ông D thì nói với ông D về gặp ông H để nói chuyện.

Khoảng 19 giờ ngày 02/8/2018, Chu Văn V đang ở nhà tại địa chỉ số 175/18/7, khu phố B, phường T Nh Ph B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh điện thoại cho Trần Quốc B rủ đi công việc thì B đồng ý và hẹn gặp nhau tại nhà Nguyễn Văn Ngọc T. Sau đó, V điều khiển xe mô tô hiệu Honda AirBlade, biển số 30H9 – 504... đến nhà của T tại địa chỉ số 127, đường A B, khu phố B Đ 2, phường A B, thị xã D A, tỉnh Bình Dương. Khi đến nhà T, trong lúc T đang đi tắm, V nói với B: “Đi tìm thằng tài xế nói chuyện về việc tại sao lại bỏ xe, không lấy hàng, lấy tiền giờ bỏ đi” thì B đồng ý và sau khi T tắm xong, B rủ T đi theo thì T đồng ý. Sau đó, V điều khiển xe mô tô hiệu Honda AirBlade, biển số 30H9 – 504... đi một mình, còn T điều khiển xe mô tô hiệu Honda AirBlade, biển số 59X2 – 086.72 chở B đi đến phòng trọ của ông D tại phòng trọ số A7, địa chỉ BT2, khu phố B Đ 2, phường A B, thị xã D A, tỉnh Bình Dương.

Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, V cùng T, B đến phòng trọ của ông D, dựng xe bên ngoài lề đường rồi V đi vào trước. Khi vào phòng trọ của ông D, V nhìn thấy ông Ung Văn L đang ngồi ở trong phòng nên hỏi: “Phòng của D đây phải không?”, ông L trả lời: “Phòng của D đây”. V hỏi tiếp: “D đâu?” thì ông L trả lời: “Trong toilet”. Sau đó V trở ra nói với B và T là tìm được phòng trọ của ông D rồi cả ba đi vào phòng trọ của ông D. V và B mở cửa toilet phòng ông D rồi dùng tay kéo ông D ra giữa phòng trọ. V cùng B dùng tay, chân đánh ông D. Sau đó, V lấy một con dao, cán dao màu cam ở trong phòng ông D và nói với ông D: “Tao đâm chết mẹ mày, mày tin không?”. Ông L và T nghe thấy vậy liền đến can ngăn, lấy được con dao từ tay V. Lúc này, bà Đoàn Thị Như Ý nghe thấy tiếng ông D bị đánh nên từ trên gác lửng phòng trọ xuống can ngăn việc V và B đánh ông D. V tiếp tục lấy ấm nước bằng kim loại, đế bằng nhựa, màu đen đang nấu để ở dưới đất hù dọa tạt vào người ông D thì được ông L và B can ngăn. Sau đó, V và B dùng tay cầm cổ áo, giữ tay ông D rồi kéo ra ngoài. Ông D không đồng ý đi theo các bị cáo V, B mà vùng vằng chống cự lại nhưng vẫn bị đưa ra ngoài. T đi theo V, B, ông D ra ngoài đường rồi T ngồi lên điều khiển xe mô tô hiệu Honda AirBlade màu trắng bạc đen, biển số 59X2 – 086.72 và ép ông D ngồi ở giữa, ngồi ở phía sau có V giữ ông D, còn B điều khiển xe mô tô hiệu Honda AirBlade, biển số 30H9 – 504... đi theo. Khi đi đến cây xăng V Tr thuộc khu

phố B D 2, phường A B, thị xã D A, tỉnh Bình Dương thì V yêu cầu dừng xe để nói chuyện. V hỏi D: “Mày có ăn cắp dầu nhà tao không? Sao mày lại bỏ xe giữa đường?”. T nói: “Có gì thì nói thật đi, anh giúp” thì anh D trả lời: “Em nói thật là em không có thiếu nợ gì cả, mấy anh làm gì bắt đánh em”. Nghe vậy, V liền dùng tay đánh một cái vào miệng ông D rồi V yêu cầu chở ông D về bên nhà của V. Khi về đến nhà của V tại số 175/18/7, đường Đ Ph Ph, tổ 5B, khu phố B, phường T Nh Ph B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không có ông H ở nhà, V dùng điện thoại di động gọi điện cho ông H thì được ông H hẹn đến quán cà phê Th Gi để nói chuyện. V, T và B tiếp tục điều khiển xe mô tô chở ông D đến quán cà phê Th Gi tại số 102 Ng Quy, tổ B, khu phố M, phường H Ph, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại quán cà phê Th Gi, ông H tát vào mặt ông D rồi nắm cổ áo ông D, nói ông D ăn trộm dầu, làm hư hỏng xe, ứng tiền rồi bỏ trốn. Trong khi ông H đang chửi ông D thì T và B lên xe mô tô đi về. Ông H yêu cầu ông D phải trả cho ông Hoàn số tiền 2.400.000 đồng, gồm có: Tiền ứng mua vé đi đường 400.000 đồng, tiền làm hư hỏng xe 1.000.000 đồng, tiền xăng dầu bị thất thoát 1.000.000 đồng. Do sợ không được về nhà nên ông D mượn điện thoại của ông H gọi điện cho ông Nguyễn Ngọc T, là cậu của ông D mang tiền đến quán cà phê Th Gi đưa cho ông H. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, thấy không có ai đưa tiền đến nên ông H nói V đưa ông D đến Công an phường T Nh Ph B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh để yêu cầu người nhà ông D mang tiền đến trả thì mới cho về. Sau đó, V để ông D ngồi ở бага xe mô tô hiệu Honda AirBlade, biển số 30H9 – 504... của V chở về Công an phường T Nh Ph B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, anh C (chưa rõ nhân thân, lai lịch, là bạn ông T) được ông T nhờ đến Công an phường T Nh Ph B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh và đưa số tiền 2.400.000 đồng cho V thì V mới cho ông D về.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì “Người nào bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 153 và Điều 377 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”

Hành vi trên đây của các bị cáo Chu Văn V, Nguyễn Văn Ngọc T và Trần Quốc B đã đủ yếu tố cấu thành tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng tại cơ quan điều tra, đã đủ cơ sở kết luận: Hành vi dùng vũ lực khống chế để bắt, giữ trái ý muốn của bị hại của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Cáo trạng số 41/CT– VKS ngày 09 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương và luận tội của Kiểm sát viên truy tố các bị cáo Chu Văn V, Nguyễn Văn Ngọc T và Trần Quốc B về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; các bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do các bị cáo thực hiện là ít nghiêm trọng, đã xâm phạm về thân thể, quyền tự do, dân chủ của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến vai trò của các bị cáo trong vụ án, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

[4] Đây là vụ án có tính chất đồng phạm nhưng là gián đơn không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể khi thực hiện hành vi phạm tội nên không xem là phạm tội có tổ chức. Trong vụ án này, các bị cáo V là người rủ rê và trực tiếp cùng với bị cáo T, B không chế, bắt giữ trái ý muốn của bị hại.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo Chu Văn V có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Về nhân thân: Các bị cáo là người có nhân thân tốt thể hiện các bị cáo là người chưa có tiền án tiền sự và là người lao động.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Bùi Ngọc D không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên trách nhiệm dân sự, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) con dao Thái Lan cán màu cam, 01 bình nấu nước bằng kim loại, đế bằng nhựa, màu đen là tài sản của ông Ung Văn L nên cần trả lại số tài sản trên cho ông Lai;

- Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Honda AirBlade, màu trắng bạc đen, số khung: AY-594896, số máy: 27E-0620350, biển số 59X2 – 086.72 thuộc quyền sở hữu của ông Trần Văn Th, là cha của bị cáo B, ông Th không biết việc Bình sử dụng xe mô tô vào mục đích phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An đã trả lại tài sản cho ông Th.

- Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Honda AirBlade, biển số 30H9 – 504... mà bị cáo V đã sử dụng vào mục đích phạm tội, V mượn xe này của một người tên H (chưa rõ nhân thân, lai lịch) và đã đem trả lại xe cho H nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An không xác định được xe đang ở đâu nên không đề cập xử lý là đúng theo quy định của pháp luật.

[10] Đối với hành vi Cường đoạt tài sản của Chu Văn V và ông Chu Văn H đối với ông Bùi Ngọc D xảy ra tại quán cà phê Th Gi tại số 102 Ng Quy, tổ B, khu phố M, phường H Ph, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An đã thông báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh để xử lý theo thẩm quyền và đối với hành vi của Chu Văn V và Trần Quốc B đánh ông Bùi Ngọc D, do ông D không yêu cầu giám định thương tích và không yêu cầu khởi tố về hành vi Cố ý gây thương tích nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An không xử lý hình sự. Tuy nhiên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với V, B mỗi người số tiền 2.500.000 đồng về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác theo điểm e khoản 03 Điều 5 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính Phủ là đúng theo quy định của pháp luật.

[11] Đối với mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đưa ra đối với các bị cáo, xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi làm việc và cư trú rõ ràng, trong thời gian tại ngoại các bị cáo chấp hành tốt các

chính sách pháp luật tại địa phương. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo, đồng thời các bị cáo là người lao động có thu nhập thấp, nên không áp dụng quy định khấu trừ một phần thu nhập khi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

[12] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Chu Văn V, Nguyễn Văn Ngọc T và Trần Quốc B phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng khoản 1 Điều 157; Điều 36; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Chu Văn V 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 03/8/2018 đến ngày 12/8/2018. Bị cáo còn phải tiếp tục chấp hành 01 (một) năm 11 (mười một) tháng 03 (ba) ngày. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân phường T Nh Ph B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân phường T Nh Ph B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh nhận được Bản án và Quyết định thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ngọc T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 03/8/2018 đến ngày 12/8/2018. Bị cáo còn phải tiếp tục chấp hành 01 (một) năm 05 (năm) tháng 03 (ba) ngày. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân phường A B, thị xã D A, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân phường A B, thị xã D A, tỉnh Bình Dương nhận được Bản án và Quyết định thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Trần Quốc B 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân phường B Ch, quận Th Đ, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân phường B Ch, quận Th Đ, Thành phố Hồ Chí Minh nhận được Bản án và Quyết định thi hành án.

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Trả lại cho ông Ung Văn L 01 (một) con dao Thái Lan, cán dao màu cam và 01 (một) bình nấu nước bằng kim loại, đế bằng nhựa, màu đen.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 09/01/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An với Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An).

3. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Chu Văn V, Nguyễn Văn Ngọc T và Trần Quốc B, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Dĩ An (01);
- Công an thị xã Dĩ An (03);
- Chi cục THA thị xã Dĩ An (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Người tham gia tố tụng (03);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (06);
- THA hình sự (08);
- UBND xã, phường bị cáo thường trú (01);
- Phòng PV 27 CA tỉnh Bình Dương (01);
- Phòng PC 81 CA tỉnh Bình Dương (01);
- Lưu: VT, HSVA (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Ngọc Công